

Bản án số: 55/2021/HS-ST

Ngày: 02.4.2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Thúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 3 và ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 217/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thanh H, sinh năm 1989; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: C L, Tiền Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp 4, xã C L, huyện C L, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Nguyên là Giám đốc Siêu thị V; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn M và bà Phạm Thị L; Có vợ: Nguyễn Thị Thanh Ng (đã ly hôn); Con: 01 người sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/5/2020 cho đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa)

* *Người bị hại:* Bành Thị Kim L1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Lô 5 - Căn 13, đường M T H H, phường R S, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty V.

Địa chỉ: Số 72, đường L T T, phường B N, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh H:* Luật sư Hoàng Quốc V – Văn phòng Luật sư Phạm Anh V thuộc Đ luật sư tỉnh Kiên Giang.

* *Người làm chứng:*

+ Nguyễn Trần Diễm Q, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số B17 Căn 54, đường N K K N, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

+ Trần Hợp Đ, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp T T, thị trấn H Đ, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

+ Hà Triều V1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 334, đường N C T, phường R S, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

+ Lương Hoàng S, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 41/15 hẻm 1, N T, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

+ Lê Thị Yến O, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 17/1, đường N C T, phường R S, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

+ Võ Thanh B, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 99/12, đường C V A, phường V L, TP. R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

+ Lê Anh H và Man Thanh T1; Địa chỉ: Số 02, đường P C T, phường V T V, TP. R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty V, có địa chỉ tại số 72, L T T, phường B N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 24/3/2017 có đăng ký hoạt động chi nhánh tại Kiên Giang với tên gọi Chi nhánh Kiên Giang - Công ty V (thường gọi là Siêu thị V), chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ hàng công nghệ, điện máy, điện thoại, máy tính bảng, máy tính xách tay, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng và phụ kiện, bắt đầu hoạt động vào tháng 4/2017, địa chỉ tại Trung tâm thương mại Vincom Plaza Kiên Giang, Lô A12 đường C B, khu phố 1, phường V B, thành phố R G. Lê Thanh H được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Siêu thị V từ tháng 04/2017 đến hết tháng 02/2018, chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Siêu thị, do chính sách của Công ty không cho bán nhiều điện thoại cho một khách hàng, do đó để đạt doanh số bán hàng cao và được thưởng doanh số thì Lê Thanh H đã tự đặt ra nhiều chương trình khuyến mãi, nằm ngoài chương trình

khuyến mãi của Công ty giao, bằng cách khuyến mãi nhiều hơn chương trình khuyến mãi của Công ty đề ra, để lôi kéo nhiều khách hàng mua hàng của siêu thị, đồng thời lợi dụng việc Công ty khuyến mãi mỗi khách hàng được lập một thẻ thành viên (thẻ Vin ID) sẽ được tích lũy 10% số tiền/đơn hàng cho lần mua tiếp theo, do đó H chỉ đạo nhân viên thu thập số chứng minh của nhiều khách hàng để lập thẻ thành viên do H giữ, khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn thì khi xuất hàng sẽ trích 10% vào thẻ thành viên này, để bù lại phần khuyến mãi nhiều hơn do H tự đặt ra, mặt khác nhiều lần H chỉ đạo các nhân viên cấp dưới lên đơn hàng dự án (bán hàng số lượng lớn theo giá sỉ với khách hàng), giá cả do H tự thỏa thuận với khách, với nhiều mặt hàng gồm điện thoại di động, điện lạnh, điện gia dụng, tự ý treo công nợ ngoài hệ thống bán hàng cho khách, khi khách thanh toán sẽ nhập vào hệ thống để xuất hàng. Tuy nhiên quá trình thực hiện bán những đơn hàng dự án nêu trên thì đến đầu năm 2018, Siêu thị V mất cân bằng hàng hóa, số lượng hàng hóa trên hệ thống và tại kho của siêu thị có sự thiếu hụt và thâm hụt số tiền lớn, tổng giá trị hàng hóa và thâm hụt tiền lên đến 563.500.000 đồng, để bù vào số tiền trên thì Lê Thanh H nảy sinh ý định lừa đảo các chủ đại lý điện thoại, là khách hàng thân thiết, thường mua hàng hóa số lượng lớn với giá sỉ của siêu thị.

Để thực hiện ý định, ngày 26/02/2018, H điện thoại cho chị Bành Thị Kim L1 là chủ cửa hàng điện thoại Lập Lý tại Lô 5, Căn 13, M T H H, phường R S, thành phố R G, để chào hàng với chị L1 là Siêu thị V đang có trương trình khuyến mãi điện thoại Samsung dòng J, số lượng lớn, nhưng thực tế không có như H nói, do chị L1 đã nhiều lần giao dịch mua bán với H nên tin tưởng mua với số lượng là 40 chiếc điện thoại hiệu Samsung dòng J với giá tiền là 172.000.000 đồng, H nói do chương trình khuyến mãi ngắn, hết hạn trong ngày, nếu đồng ý mua phải nộp tiền ngay để chốt đơn báo về trên và hẹn hai ngày sau sẽ cho người giao điện thoại cho chị L1, sau đó H chỉ đạo Lê Thị Yến O là thu ngân tại Siêu thị V lập phiếu thu và chỉ đạo Lương Hoàng S, là trưởng ngành hàng điện lạnh, gia dụng trong Siêu thị chở Trần Hợp Đ là nhân viên bán hàng trong Siêu thị đến gặp trực tiếp chị L1 để nhận tiền, việc giao nhận tiền được thực hiện trực tiếp giữa Đ và chị L1, có phiếu thu, sau khi nhận được tiền từ chị L1 thì Đ đem về giao lại cho Lê Thị Yến O, sau đó H yêu cầu Oanh giao lại số tiền là 172.000.000 đồng lại cho H, việc giao nhận tiền giữa H và Oanh có ký biên nhận.

Bằng thủ đoạn tương tự, ngày 28/02/2018, H tiếp tục điện thoại cho chị L1 chào bán điện thoại, lần này chị L1 đồng ý mua với số lượng là 20 chiếc điện thoại hiệu Samsung dòng J với giá tiền là 70.000.000 đồng, việc giao nhận tiền như lần trước. Ngày 01/3/2018, H tiếp tục điện thoại cho chị L1 để chào bán điện thoại, lúc này chị L1 có hỏi sao H vẫn chưa giao điện thoại hai lần trước thì H trả lời điện thoại đang vận chuyển từ thành phố Hồ Chí Minh về, tin tưởng nên chị L1 tiếp tục mua thêm 40 chiếc điện thoại hiệu Samsung dòng J với giá tiền là 106.800.000 đồng, việc giao nhận tiền

được thực hiện như lần trước, sau khi nhận từ chị Bành Thị Kim L1 với tổng số tiền 348.800.000 đồng, thì H không trực tiếp hoặc chỉ đạo nhân viên nào giao điện thoại cho chị L1 và H cũng không giao lại số tiền trên cho Công ty V, đến ngày 05/3/2018, đang trong quá trình bàn giao công việc, được bộ phận ngành hàng thông báo thất thoát tài sản, thì Lê Thanh H bỏ trốn. Đến ngày 09/3/2018 chị L1 không thấy H giao điện thoại, chị L1 điện thoại cho H nhưng không bắt máy nên đã đến Siêu thị V thì biết H đã bỏ trốn, sau đó chị L1 khiếu kiện lên Công ty V, đến ngày 12/3/2018, đại diện Công ty V có đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, đến ngày 26/10/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R G khởi tố vụ án, ngày 23/6/2019 khởi tố bị can đối với Lê Thanh H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Đến ngày 09/10/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R G thay đổi tội danh từ tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” sang tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đến ngày 30/5/2020 Lê Thanh H đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R G đầu thú, đến ngày 02/6/2020 tạm giam để điều tra.

* Về tài liệu, đồ vật thu giữ: 01 (một) biên nhận Lê Thanh H (Nguyên giám đốc Vinpro Kiên Giang) ký nhận tiền; tình trạng nguyên vẹn, không tẩy xóa, thể hiện: Ngày 26/02/2018 số tiền 172.000.000 đồng, ngày 28/02/2018 số tiền 70.000.000 đồng, ngày 01/3/2018 số tiền 106.800.000 đồng, đã được thu thập vào hồ sơ vụ án, (ký hiệu A); 01 (một) quyển báo cáo kiểm quỹ tháng 12/2017 gồm 20 trang; tình trạng nguyên vẹn, không tẩy xóa, đã được thu thập vào hồ sơ vụ án, (ký hiệu M1 – M5); 01 (một) quyển báo cáo kiểm quỹ tháng 01/2018 gồm 29 trang; tình trạng nguyên vẹn, không tẩy xóa, đã được thu thập vào hồ sơ vụ án, (ký hiệu M6 – M11); 01 (một) quyển báo cáo kiểm quỹ tháng 02/2018 gồm 28 trang; tình trạng nguyên vẹn, không tẩy xóa, đã được thu thập vào hồ sơ vụ án, (ký hiệu M12 – M14); 01 (một) quyển tập học sinh loại 04 dòng kẻ vào các trang, được đánh số thứ tự từ trang 02 đến trang 07, có chữ ký và chữ viết của Lê Thanh H, đã được thu thập vào hồ sơ vụ án, (ký hiệu M10); 01 (một) biên bản phổ biến quyền, nghĩa vụ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam và nội quy của cơ sở giam giữ, có chữ ký, chữ viết của bị cáo Lê Thanh H, (ký hiệu M2); 01 (một) phiếu gửi quà ngày 03/6/2020, có chữ ký, chữ viết của Lê Thanh H, (ký hiệu M5); 01 (một) phiếu gửi quà ngày 01/9/2020, có chữ ký, chữ viết của Lê Thanh H, (ký hiệu M6).

+ Tiền Việt Nam 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Tại bản kết luận giám định số: 588/KL-KTHS, ngày 03/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận về mẫu chữ ký của Lê Thanh H như sau: Chữ ký mang tên Lê Thanh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký

mang tên Lê Thanh H, trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M14 là do cùng một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số: 827/KL-KTHS, ngày 25/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận về mẫu chữ ký của Lê Thanh H như sau: 03 (ba) Chữ ký mang tên Lê Thanh H trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Lê Thanh H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 do cùng một người ký ra.

Tại bản Cáo trạng số: 230/CT-VKS ngày 19/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lê Thanh H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh H từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung do hiện bị cáo không có nghề nghiệp, không có mức thu nhập ổn định.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Người bị hại là chị Bành Thị Kim L1, ngày 04/4/2018 đã được Công ty V, chuyển trả lại toàn bộ số tiền 348.800.000 đồng. Chị L1 không yêu cầu gì thêm, đề nghị HĐXX miễn xét.

+ Đề nghị hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thế Th (là người thân của bị cáo Lê Thanh H) số tiền đã tạm nộp là 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo Lê Thanh H theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 16/10/2020 của Kho bạc Nhà nước.

+ Đối với số tiền 348.800.000 đồng, Công ty V đã chuyển trả lại cho chị Bành Thị Kim L1. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R G đã có văn bản số 429, ngày 09/9/2020, nhưng đến nay Công ty vẫn chưa cử đại diện làm việc. Vì vậy chưa xác định được Công ty V có yêu cầu như thế nào đối với bị can về số tiền trên. Trường hợp, Công ty V có yêu cầu thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác, đề nghị HĐXX miễn xét.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Thanh H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Bành Kim L1 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G đã truy tố. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư Hoàng Quốc V – Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh H trình bày ý kiến và quan điểm bào chữa cho bị cáo:

Về tội danh: Luật sư cho rằng Luật sư không có nghĩa vụ chứng minh về tội danh đối với bị cáo. Tuy nhiên, về hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị cáo H, Luật sư cho rằng, với mục đích là bù đắp vào khoản tiền đã làm thất thoát, thâm hụt trước đó, H đã điện thoại cho chị Kim L1 nói là Siêu thị đang có chương trình khuyến mãi điện thoại Samsung dòng J, để chào bán điện thoại Samsung dòng J, số lượng lớn cho chị Kim L1. Mặc dù tại Siêu thị không có đủ số lượng điện thoại mà H chào bán cho chị Kim L1 nhưng thời điểm trên tại Siêu thị vẫn có dòng điện thoại mà H chào bán khoảng 20 chiếc; về chương trình khuyến mãi, như bị cáo trình bày vào những ngày cuối tuần, cuối tháng thì Công ty vẫn thường đưa ra các chương trình khuyến mãi để thu hút khách hàng. Do đó, thực tế thì các mặt hàng điện thoại và chương trình khuyến mãi mà H chào bán cho chị Kim L1 là có. Và khi nhận tiền từ chị Kim L1 thì H không trực tiếp đi nhận mà có nhân viên đi thu, sau đó về giao lại cho thu ngân, sau đó thu ngân mới đưa tiền lại cho H. Như vậy, chứng cứ xác định dấu hiệu Lê Thanh H dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản là yếu, chưa rõ ràng. Và nếu có việc chiếm đoạt tài sản thì có thể là chiếm đoạt tài sản của Công ty chứ không phải là của chị Kim L1. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh đối với Lê Thanh H. Tuy nhiên, quan điểm của Luật sư cho rằng nếu hành vi H không đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì cũng cấu thành tội danh khác.

Về hành vi bỏ trốn thì sau khi có quyết định điều chuyển sang nơi khác làm việc, do áp lực công việc nên bị cáo đã bỏ đi địa phương khác sinh sống, làm việc. Tại mỗi nơi bị cáo sinh sống bị cáo đều có đăng ký tạm trú bằng chính tên của mình. Do đó, trong vụ án này xác định bị cáo là Lê Thanh H “Bỏ đi” chứ không phải “Bỏ trốn”.

Về điều luật áp dụng thì Luật sư V đồng quan điểm với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Ngoài ra, đề nghị xem xét thêm tình tiết là trong quá trình sinh sống và làm việc bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách đường lối của đảng; bị cáo phạm tội lần đầu là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhẹ hơn mức mà Viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo được hưởng án treo.

Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa đều thống nhất với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G và các nội dung đã trình bày trong quá trình điều tra.

Tại phần nói lời sau cùng bị cáo H trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố R G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa Luật sư Hoàng Quốc V là người bào chữa cho bị cáo, cho rằng khi bị cáo H rời bỏ nơi làm việc và bỏ đi đến địa phương khác sinh sống, làm việc. Tại mỗi nơi bị cáo sinh sống bị cáo đều có đăng ký tạm trú bằng chính tên của mình, nên xác định bị cáo là H “Bỏ đi” chứ không phải “Bỏ trốn”.

Xét thấy, sau khi nhận được đơn yêu cầu của người đại diện Công ty V thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R G đã tiến hành xác minh địa chỉ, sự có mặt của bị cáo ở địa phương; mẹ ruột của bị cáo H, khi xác định bị cáo H không có mặt tại địa phương, không biết ở đâu, làm gì thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố đã ban hành Thông báo truy tìm đối tượng số: 16/TB-PC46-Đ5, ngày 30/3/2018 về việc bị cáo H không có mặt tại địa phương và được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Sau khi có đủ căn cứ xác định bị cáo H đã bỏ trốn, không biết đang ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R G ban hành Quyết định truy nã đối với Lê Thanh H.

Ngoài ra, tại biên bản bắt tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 30/5/2020 và xuyên suốt trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo luôn thừa nhận hành vi bỏ trốn của mình; do nhận thức hành vi của mình là sai trái và rất nhớ gia đình, con gái, mong muốn được sớm trở lại gia đình nên ra đầu thú. Do đó, quan điểm của Luật sư Việt cho rằng bị cáo chỉ “Bỏ đi” mà không phải “Bỏ trốn” là không phù hợp. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố R G ra Quyết định truy nã đối với Lê Thanh H là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng, đúng người, đúng hành vi phạm tội được quy định tại Điều 34, 161 của Bộ luật tố tụng Hình sự và Thông tư liên tịch số: 13/2012/TTLT-BCA-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 09/10/2012 của Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người làm chứng, nội dung bản Cáo trạng, kết luận giám định của các cơ quan có thẩm quyền và phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Lê Thanh H là nhân viên của Công ty V có địa chỉ trụ sở chính tại: Số 72, đường L T T, phường B N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có đăng ký hoạt động chi nhánh tại Kiên Giang với tên gọi Chi nhánh Kiên Giang - Công ty V (thường gọi là Siêu thị V) hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ hàng công nghệ, điện máy, điện thoại, máy tính bảng, máy tính xách tay, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, phụ kiện. Lê Thanh H được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc - Siêu thị V từ tháng 04/2017 đến hết tháng 02/2018, chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Siêu thị. Quá trình quản lý, điều hành Siêu thị nhằm để đạt doanh số bán hàng cao và được thưởng doanh số hàng tháng, H đã tự đặt ra nhiều chương trình khuyến mãi, nằm ngoài chương trình khuyến mãi của Công ty giao; Đồng thời với cương vị là Giám đốc được quyền bán các đơn hàng dự án (bán hàng số lượng lớn theo giá sỉ với khách hàng), được tự thỏa thuận giá với khách, được treo công nợ ngoài hệ thống bán hàng cho khách, khi khách thanh toán sẽ nhập vào hệ thống để xuất hàng. Do trong thời gian quản lý, điều hành và thực hiện bán những đơn hàng dự án nêu trên, đến tháng 01/2018, Lê Thanh H làm mất cân bằng hàng hóa, số lượng hàng hóa trên hệ thống và tại kho của Siêu thị có sự thiếu hụt và thâm hụt số tiền lớn, tổng giá trị hàng hóa và thâm hụt tiền lên đến 563.500.000 đồng.

Để bù vào số tiền đã làm thâm hụt, H nảy sinh ý định lừa đảo các chủ đại lý điện thoại là khách hàng thân thiết, thường mua hàng hóa số lượng lớn với giá sỉ của Siêu thị. Thực hiện ý định, vào các ngày 26/02/2018, ngày 28/02/2018 và ngày 01/3/2018, Lê Thanh H đã dùng thủ đoạn gian dối là đưa ra thông tin giả, không có thật là Siêu thị Vinpro có trương trình khuyến mãi số lượng lớn điện thoại Samsung dòng J, nhưng thực tế Siêu thị không có trương trình khuyến mãi này để điện thoại cho chị Bành Thị Kim L1 là chủ của hàng điện thoại Lập Lý và cũng là khách hàng thân thiết của Siêu thị để chào hàng bán điện thoại Samsung dòng J, do tin tưởng lời H nói là thật nên chị Kim L1 đã đặt mua của H vào ba ngày như trên với số lượng 100 chiếc điện thoại Samsung dòng J, và đã giao tiền cho H với tổng cộng số tiền là 348.800.000 đồng. H trực tiếp chỉ đạo Trần Hợp Đ là nhân viên bán hàng của Siêu thị, trực tiếp đến cửa hàng điện thoại của chị Bành Thị Kim L1 để nhận tổng số tiền là 348.800.000 đồng về đưa lại cho Lê Thị Yến O là thu ngân của Siêu thị, sau đó H yêu cầu Yến O giao lại số tiền trên cho H, sau khi nhận được số tiền là 348.800.000 đồng, H không tiến hành giao điện thoại cho chị Kim L1 và cũng không nộp lại tiền cho Công ty mà chiếm đoạt rồi bỏ trốn. Lê Thanh H

đã chiếm đoạt số tiền là 348.800.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Thanh H đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] *Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Hoàng Quốc V* đề nghị xem xét lại tội danh đối với Lê Thanh H và cho rằng nếu có việc chiếm đoạt tài sản thì có thể là chiếm đoạt tài sản của Công ty chứ không phải là của chị Kim L1. Xét thấy, như đã phân tích nêu trên, với mục đích là bù vào số tiền mà H đã làm thất thoát, thâm hụt, H đã dùng thủ đoạn gian dối là đưa ra thông tin giả, không có thật là Siêu thị Vinpro có trưng trình khuyến mãi số lượng lớn điện thoại Samsung dòng J, nhưng thực tế Siêu thị không có trưng trình khuyến mãi này để điện thoại cho chị Kim L1 là chủ của hàng điện thoại Lập Lý và cũng là khách hàng thân thiết của Siêu thị để chào hàng bán điện thoại Samsung dòng J, do tin tưởng lời H nói là thật nên chị Kim L1 đã đồng ý mua của H số lượng 100 chiếc điện thoại Samsung dòng J và đã tự nguyện giao tiền cho H tổng cộng số tiền là 348.800.000 đồng. Việc H cử nhân viên đến trực tiếp cửa hàng của chị Kim L1 để thu tiền chỉ là hình thức nhận tiền mà không làm thay đổi bản chất sự việc là H đã dùng thủ đoạn gian dối để chị Kim L1 tin tưởng, tự nguyện giao tiền; mục đích chiếm đoạt tài sản của H có trước khi thực hiện thủ đoạn gian dối và hành vi chiếm đoạt tài sản. Thời điểm H hoàn thành tội phạm được xác định là từ lúc H chiếm giữ số tiền nêu trên, sau khi đã dùng thủ đoạn gian dối để chị Kim L1 tin tưởng, mắc lừa và tự nguyện giao tiền. Và người trực tiếp bị ảnh hưởng, bị thiệt hại về tài sản từ hành vi lừa dối của H là chị Bành Thị Kim L1. Như vậy, hành vi mà bị cáo đã thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như đã phân tích nêu trên. Do đó, các nội dung mà Luật sư trình bày, đề nghị là không có căn cứ để xem xét.

[4] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại. Bị cáo đã lợi dụng lòng tin, sự tin tưởng của người bị hại giành cho mình rồi bằng thủ đoạn gian dối để người bị hại tin tưởng, tự nguyện giao tiền, sau đó bị cáo sử dụng vào mục đích cá nhân dẫn đến không còn khả năng chi trả lại. Hành vi của bị cáo không chỉ làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của người bị hại, gây tâm lý hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân, mà còn làm tăng thêm sự phức tạp tình hình trật tự trị an ở địa phương và thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần có một mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, nhằm có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho kẻ khác, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Quá trình điều tra bị cáo đã tích cực vận động gia đình, người thân nộp số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục một phần thiệt hại do bị cáo gây ra là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Sau khi biết mình đang bị truy nã, nhận thức được hành vi sai trái của mình, bị cáo đã tự nguyện đến Cơ quan điều tra đầu thú nên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của xã hội cho hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, bị cáo Lê Thanh H được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian mới đảm bảo mục đích trừng trị, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố R G về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Luật sư yêu cầu cho bị cáo H được hưởng án treo là không có cơ sở xem xét. Bởi lẽ, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn và đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng truy nã thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo không có nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với hàng hóa và số tiền bị thất thoát tại Siêu thị V, tương đương với số tiền 563.500.000 đồng. Qua điều tra xác định, chưa có cơ sở xác định H có hành vi chiếm đoạt hay làm thất thoát tài sản của công ty, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R G đang tiếp tục điều tra, làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau, nên HĐXX miễn xét.

[10] Về các vấn đề khác:

- Đối với các tài liệu, đồ vật đã thu giữ gồm: 01 (một) biên nhận Lê Thanh H (Nguyên giám đốc Vinpro Kiên Giang) ký nhận tiền; tình trạng nguyên vẹn, không tẩy xóa, thể hiện: Ngày 26/02/2018 số tiền 172.000.000 đồng, ngày 28/02/2018 số tiền 70.000.000 đồng, ngày 01/3/2018 số tiền 106.800.000 đồng (ký hiệu A); 01 (một) quyền báo cáo kiểm quỹ tháng 12/2017 gồm 20 trang; tình trạng nguyên vẹn, không tẩy xóa (ký hiệu M1 – M5); 01 (một) quyền báo cáo kiểm quỹ tháng 01/2018 gồm 29 trang, tình trạng nguyên vẹn, không tẩy xóa (ký hiệu M6 – M11); 01 (một) quyền báo cáo kiểm quỹ tháng 02/2018 gồm 28 trang; tình trạng nguyên vẹn, không tẩy xóa (ký hiệu M12 – M14); 01 (một) quyền tập học sinh loại 04 dòng kẻ vào các trang, được đánh số thứ tự từ trang 02 đến trang 07, có chữ ký và chữ viết của Lê Thanh H (ký hiệu M10); 01 (một) biên bản phổ biến quyền, nghĩa vụ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam và nội quy của cơ sở giam giữ, có chữ ký, chữ viết của Lê Thanh H, (ký hiệu M2); 01 (một) phiếu gửi quà ngày 03/6/2020, có chữ ký, chữ viết của Lê Thanh H, (ký hiệu M5); 01 (một) phiếu gửi quà ngày 01/9/2020, có chữ ký, chữ viết của Lê Thanh H, (ký hiệu M6). Do đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, gắn liền với hồ sơ vụ án. Vì vậy, được lưu kèm với hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Vào ngày 04/4/2018, người bị hại là chị Bành Thị Kim L1 đã được Công ty V chuyển trả lại toàn bộ số tiền 348.800.000 đồng. Chị L1 không yêu cầu gì thêm nên HĐXX miễn xét.

+ Do trong vụ án không xem xét về trách nhiệm dân sự nên hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thế Th (là người thân của bị cáo Lê Thanh H) số tiền đã nộp là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để khắc phục thiệt hại cho bị cáo Lê Thanh H theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 16/10/2020 của Kho bạc Nhà nước. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 146/QĐ-VKS, ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

+ Đối với số tiền 348.800.000 đồng mà Công ty V đã chuyển trả lại cho chị Bành Thị Kim L1. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng phía Công ty V vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu về trách nhiệm dân sự, không cử người đại diện tham gia tố tụng. Do đó,

giành quyền khởi kiện để giải quyết ở một vụ kiện dân sự khác khi Công ty V có yêu cầu.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh H 02 năm tù (Hai năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 30/5/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

+ Vào ngày 04/4/2018, người bị hại là chị Bành Thị Kim L1 đã được Công ty V chuyển trả lại toàn bộ số tiền 348.800.000 đồng. Chị L1 không yêu cầu gì thêm nên HĐXX miễn xét.

+ Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thế Th (là người thân của bị cáo Lê Thanh H) số tiền đã nộp là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để khắc phục thiệt hại cho bị cáo Lê Thanh H theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 16/10/2020 của Kho bạc Nhà nước. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 146/QĐ-VKS, ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

+ Đối với số tiền 348.800.000 đồng mà Công ty V đã chuyển trả lại cho chị Bành Thị Kim L1. Giành quyền khởi kiện để giải quyết ở một vụ kiện dân sự khác khi Công ty V có yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo Lê Thanh H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- Cơ quan THA Dân sự TP. R G;
- Công an TP. R G;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa